

**GIẤY PHÉP
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1118/TTr-STNMT ngày 01/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát (địa chỉ tại số 46 Trần Quốc Toản, thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát) được xả nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại chợ Phù Cát thuộc thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Thó (phía Nam khu vực Chợ), thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

2. Vị trí xả nước thải: suối Thó (phía Nam khu vực Chợ), thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Tại vị trí có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3 độ):

$$X(m) = 1.547.941, Y(m) = 587.512.$$

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24h/ngày đêm).

5. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với K = 1.

(Kèm theo Phụ lục Bảng giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải).

7. Thời hạn của giấy phép là: 05 (năm) năm kể từ ngày ký.

Điều 2. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát có trách nhiệm:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận tại khu vực xả thải thuộc suối Thố (phía Nam khu vực Chợ) theo quy định.
3. Hằng năm (*trước 15 tháng 12*), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định.
4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Chủ tịch UBND thị trấn Ngô Mây, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
BẢNG GIỚI HẠN THÔNG SỐ, NỒNG ĐỘ CHẤT Ô NHIỄM ĐƯỢC
PHÉP XẢ THẢI CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN PHÙ CÁT TẠI CHỢ PHÙ CÁT
(Phụ lục kèm theo Giấy phép xả nước thải số: /GP-UBND
ngày /12/2020 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K= 1)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000
5	Sunfua	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000